UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG THCS QUANG PHỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/QĐ-THCS

Hải Phòng, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán thu chi năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUANG PHỤC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định giao, phân bổ dự toán năm 2021 của UBND huyện Tiên Lãng, Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch của hiệu trưởng

Theo đề nghị của bộ phận kế toán .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi năm 2021 của trường THCS Quang Phục (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng kế toán trưởng và bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Thạo

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG

TRƯỜNG THCS QUANG PHỤC

Biểu mẫu 6.

QUYẾT TOÁN THU – CHI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số ..127../QĐ-THCSQP ngày..29/..9../2022 của Trường THCS Quang Phục

Đơn vị tính: đồn

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toá được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu c
1	2	3	4	5=4-3	6
A	**QUYẾT TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Học phí (nếu có)**				
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	193 706 267	193 706 267		
1,2	Mức thu ….				
1,3	Tổng số thu trong năm	324 694 000	324 694 000		
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	194 816 400	194 816 400		
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
1,6	Số chi trong năm	163 056 992	163 056 992		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	50 959 947	50 959 947		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	112 097 045	112 097 045		
	- Chi khác				
1,7	Số dư cuối năm	355 343 275	355 343 275		
1,8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
2,1	……				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	22 842 964	22 842 964		
2.1.2	Mức thu …..	7000/tiết	7000/tiết		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1 013 349 000	1 013 349 000		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1 013 349 000	1 013 349 000		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	1 013 349 000	1 013 349 000		
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	709 344 300	709 344 300		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	60 484 716	60 484 716		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	152 002 350	152 002 350		

	- Chi phúc lợi	44 362 684	44 362 684		
	- Chi khác:.....				
2.1.7	Số dư cuối năm	47 154 947	47 154 947		
	.....				
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công**				
3,1	**.....**				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	.....				
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
4.1.	**.....**				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	15 955 850	15 955 850		
4.1.2	Mức thu	15,000/ tháng	15,000/ tháng		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	27 595 000	27 595 000		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	43 550 850	43 550 850		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	43 550 850	43 550 850		
4.1.6	Số chi trong năm	41 919 565	41 919 565		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	19 316 500	19 316 500		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	4 423 465	4 423 465		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....	18 179 600	18 179 600		
4.1.7	Số dư cuối năm	1 631 285	1 631 285		
	.....				
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*				
5,1	**.....**				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu				
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
5.1.6	Số chi trong năm				

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy….				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:……..				
5.1.7	Số dư cuối năm				
	……				
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, …..** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
6,1	**BHYT**				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu ……				
6.1.3	Tổng thu	316 529 640	316 529 640		
6.1.4	Đã chi	316 529 640	316 529 640		
6.1.5	Dư				
6,2	**Đoàn đội**	40.000/Năm	40.000/Năm		
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu ……				
6.1.3	Tổng thu	25 660 000	25 660 000		
6.1.4	Đã chi	21 660 000	21 660 000		
6.1.5	Dư	4 000 000	4 000 000		
6,3	**Nước uống**				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu ……	10 000	10 000		
6.1.3	Tổng thu	37 942 000	37 942 000		
6.1.4	Đã chi	37 942 000	37 942 000		
6.1.5	Dư				
6,4	**Đồng Phục**	Theo khối lớp	Theo khối lớp		
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu ……				
6.1.3	Tổng thu	182 860 000	182 860 000		
6.1.4	Đã chi				
6.1.5	Dư	182 860 000	182 860 000		
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp …….**				
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				

	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	**Chi quản lý hành chính**				
2,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học Kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe				
6	.....				
	.....				
B	**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4 424 843 145	4 424 843 145		
	Chi thanh toán cá nhân	3 803 530 845	3 803 530 845		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	94 148 500	94 148 500		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	169 840 600	169 840 600		
	Chi khác	357 323 200	357 323 200		
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1 129 514 000	1 129 514 000		
	Chi thanh toán cá nhân	320 788 000	320 788 000		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	198 600 000	198 600 000		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	600 000 000	600 000 000		
	Chi khác	10 126 000	10 126 000		
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	**Nguồn viện trợ**				

1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
	……..				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
	……..				

Quang Phục, ngày .20 tháng .9. Năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Hà

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG TP. HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUANG PHỤC

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Thạo

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG THCS QUANG PHỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128 /QĐ-THCS

Hải Phòng, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai báo cáo quyết toán kinh phí năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUANG PHỤC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định giao, phân bổ dự toán năm 2021 của UBND huyện Tiên Lãng, Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch của hiệu trưởng

Theo đề nghị của bộ phận kế toán .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của trường THCS Quang Phục (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng kế toán trưởng và bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Thạo

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG

TRƯỜNG THCS QUANG PHỤC

Biểu mẫu 6.5

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí, năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	**CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ**		
I	**Số thu phí, lệ phí**		
1	**Học phí (nếu có)**		
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	193 706 267	
1,2	Mức thu ….		
1,3	Tổng số thu trong năm	324 694 000	
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	194 816 400	
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
1,6	Số chi trong năm	163 056 992	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	50 959 947	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	112 097 045	
	- Chi khác		
1,7	Số dư cuối năm	55 343 275	
1,8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*		
2,1	**Dạy thêm học thêm**		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	22 842 964	
2.1.2	Mức thu …..	7000/tiêtds	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1 013 349 000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1 036 191 964	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	1 013 349 000	100%
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	709 344 300	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	60 484 716	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	152 002 350	
	- Chi phúc lợi	44 362 684	
	- Chi khác:……		
2.1.7	Số dư cuối năm	47 154 947	
	……		

3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**		
3,1	**.....**		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: -		
	-		
	-		
3.1.6	Số dư cuối năm		
	.....		
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có:* *Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*		
4.1.	**.....**		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	15 955 850	
4.1.2	Mức thu	15.000/tháng	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	27 595 000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	43 550 850	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	27 595 000	
4.1.6	Số chi trong năm	41 919 565	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	19 316 500	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	4 423 465	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	15 000 000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....	3 179 600	
4.1.7	Số dư cuối năm	1 631 285	
	.....		
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...***(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo* *bảng kê dưới đây*		
5,1	**.....**		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)		

5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy….		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:……..		
5.1.7	Số dư cuối năm		
	……		
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*		
6,1	**BHYT**		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu ……		
6.1.3	Tổng thu	316 529 640	
6.1.4	Đã chi	316 529 640	
6.1.5	Dư		
6,2	**Đoàn đội**	40.000/Năm	
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu ……		
6.1.3	Tổng thu	25 660 000	
6.1.4	Đã chi	21 660 000	
6.1.5	Dư	4 000 000	
6,3	**Nước uống**		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu ……	10 000	
6.1.3	Tổng thu	37 942 000	
6.1.4	Đã chi	37 942 000	
6.1.5	Dư		
6,4	**Đồng Phục**	Theo khối lớp	
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu ……		
6.1.3	Tổng thu	182 860 000	
6.1.4	Đã chi		
6.1.5	Dư	182 860 000	
II	**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH**		
1	Ngân sách nhà nước		
1,1	Ngân sách chi thường xuyên	4 424 843 145	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	61 223	
	- Dự toán được giao trong năm	4 424 843 145	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	4 461 843 145	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm	37 000 000	

	- Kinh phí thực nhận trong năm	4 424 843 145	
	- Kinh phí quyết toán	4 424 843 145	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	61 223	
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	61 223	
1,2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm	1 129 514 000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	808 726 000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	320 788 000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	1 129 514 000	
	- Kinh phí quyết toán	1 129 514 000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận	1 129 514 000	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	**Học phí**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm	461 403 249	
	Trong đó: - Trích lập các quỹ	316 840 806	
	+ Quỹ……		
	+ Quỹ……		
	+ Quỹ……		
	- Kinh phí cải cách tiền lương	129 877 600	
2	**Học thêm**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm	47 154 947	
	Trong đó: - Trích lập các quỹ	16 438 253	
	Quỹ phúc lợi		
	Quỹ PTHĐSN	30 716 694	
	+ Quỹ……		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3	……		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		

	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	+ Quỹ…….		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên	10 000 000	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	15 000 000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	7 000 000	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	3 600 000	
IV	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	1 366 000	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	1 880 000	

Quang Phục, ngày 19 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hà

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG TP. HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUANG PHỤC

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Thảo